

BỘ TÀI LIỆU TẬP HUẤN

Dự án Tiếp cận Đất đai cho Phụ nữ Việt Nam (LAW)

Ảnh: ISDS



Luật Thừa kế, Di chúc và Quyền của Phụ nữ



USAID
TỪ NHÂN DÂN MỸ



ICRW

International Center
for Research on Women
where insight and action connect



Viện Nghiên Cứu Phát Triển Xã Hội
Institute for social Development Studies

Bộ công cụ này được thực hiện với sự tài trợ hào phóng của nhân dân Hoa Kỳ thông qua Cơ quan Phát triển Quốc tế Hoa Kỳ (USAID). Nội dung của Bộ công cụ này thuộc về trách nhiệm của ICRW và ISDS và không phản ánh quan điểm của USAID hay Chính phủ Hoa Kỳ

LỜI CẢM ƠN

Nhà tài trợ

Bộ công cụ này được thực hiện với sự tài trợ hào phóng của nhân dân Hoa Kỳ thông qua Cơ quan Phát triển Quốc tế Hoa Kỳ (USAID). Nội dung của Bộ công cụ này thuộc về trách nhiệm của ICRW và ISDS và không phản ánh quan điểm của USAID hay Chính phủ Hoa Kỳ.

Các tác giả bản tiếng Việt

Khuất Thu Hồng

Nguyễn Thị Vân Anh

Nguyễn Thị Phương Thảo

Vũ Xuân Thái

Gina Alvarado

Stella Mukasa

Zayid Douglas

Jennifer Schulzman

Chịu trách nhiệm xuất bản tiếng Việt

Nguyễn Thảo Linh

Jennifer Schulzman

Cơ quan thực hiện

Viện Nghiên cứu Phát triển Xã hội (ISDS)

Trung tâm Nghiên cứu Quốc tế về Phụ nữ (ICRW) và Viện Nghiên cứu Phát triển Xã hội trân trọng cảm ơn sự hợp tác của nguyên Thẩm phán Tòa án Nhân dân Tối cao Việt Nam Nguyễn Thị Tú, Nguyễn Hương Ngọc Quỳnh và Đỗ Mai Quỳnh Liên vì sự đóng góp của họ cho tài liệu này.

©2015 Trung tâm Nghiên cứu Quốc tế về Phụ nữ (ICRW) và Viện Nghiên cứu Phát triển Xã hội. Các nội dung của tài liệu này có thể được tái xuất bản mà không nhất thiết phải xin phép nhưng phải có lời cảm ơn ICRW

Nội dung

Lời cảm ơn	2
VỀ BỘ CÔNG CỤ NÀY.....	5
LUẬT PHÁP VỀ THỪA KẾ, DI CHỨC VÀ QUYỀN PHỤ NỮ.....	7
VẤN ĐỀ THỪA KẾ Ở VIỆT NAM	8
Luật pháp về thừa kế	8
Quyền thừa kế của phụ nữ	9
TÀI SẢN CHUNG, TÀI SẢN RIÊNG	10
Tài sản chung, tài sản riêng	10
THỪA KẾ VÀ DI CHỨC	12
Những quy định chung về thừa kế	12
Thừa kế theo pháp luật	12
Thừa kế theo di chúc	12
<u>Bài giảng</u> : Thực hiện di chúc của người quá cố	13
TÀI LIỆU 1: PHỤ NỮ VÀ VẤN ĐỀ THỪA KẾ	15
Một số điểm chủ chốt về quyền thừa kế bình đẳng của phụ nữ:	15
Thừa kế quyền sử dụng đất.....	17
TÀI LIỆU 2: DI CHỨC VÀ PHỤ NỮ	18
Di chúc có thể bảo vệ quyền thừa kế tài sản của phụ nữ	18
TÀI LIỆU ĐỌC 3: NẾU NGƯỜI CHẾT ĐỂ LẠI DI CHỨC.....	19
Các quy định pháp luật về di chúc và thừa kế theo di chúc	19
Sơ đồ trình tự thực hiện giải quyết thừa kế theo di chúc	24
TÀI LIỆU ĐỌC 4: NẾU NGƯỜI CHẾT KHÔNG ĐỂ LẠI DI CHỨC (THỪA KẾ THEO PHÁP LUẬT)..	25
Các quy định pháp luật về thừa kế khi không có di chúc	25
Sơ đồ trình tự thủ tục thực hiện thừa kế khi không có di chúc.....	27
TÀI LIỆU 5: CÂU CHUYỆN CHIA THỪA KẾ	28

Về bộ Công cụ này

Quyền tiếp cận, sử dụng và kiểm soát đất đai là quyền căn bản của con người được khẳng định trong Tuyên ngôn Quốc tế về Nhân quyền (và Công ước Xoá bỏ Mọi Hình thức Phân biệt đối xử chống lại Phụ nữ). Tiếp cận và kiểm soát đất đai hết sức quan trọng vì tài sản cho phép mọi người xây nhà và/hoặc duy trì cuộc sống cho bản thân và gia đình họ. Quyền sở hữu của cá nhân đối với nhà và đất có thể nâng cao quyền lực của cá nhân trong gia đình, cộng đồng và xã hội. Tuy nhiên, khả năng chiếm hữu và sử dụng đất phụ thuộc vào các mối tương tác phức tạp giữa các yếu tố pháp lý và xã hội. Trong khi cả phụ nữ và nam giới có thể bị từ chối quyền về đất và tài sản của họ, phụ nữ thường bị gạt ra ngoài do các chuẩn mực giới về xã hội và pháp lý, ngăn cản họ thực hiện các quyền đó của họ.

Dự án Tiếp cận Đất đai cho Phụ nữ (LAW) đề cập đến khoảng trống trong thực hiện quyền của phụ nữ về đất và tài sản. Dự án LAW được thực hiện bởi Trung tâm Nghiên cứu Quốc tế về Phụ nữ (ICRW) có trụ sở tại Washington và Viện Nghiên cứu Phát triển Xã hội (ISDS) có văn phòng tại Hà Nội, với sự tài trợ của Cơ quan Phát triển Quốc tế Hoa Kỳ (USAID). Dự án này nhằm nâng cao nhận thức của nông dân về quyền đối với đất đai, tăng cường khả năng thực hiện các quyền đó của họ, thu thập bằng chứng về các rào cản mà người nông dân gặp phải khi thực hiện quyền của mình, nâng cao năng lực cho các tổ chức xã hội dân sự và tổ chức quần chúng ở địa phương để vận động thực hiện luật pháp một cách bình đẳng cho phụ nữ và nam giới. Hoạt động chủ chốt của dự án là tổ chức và hỗ trợ nhóm các tình nguyện viên cộng đồng về bình đẳng giới (TNV) để họ giúp người nông dân, đặc biệt là phụ nữ nông dân ở Hưng Yên ở miền Bắc và Long An ở đồng bằng sông Cửu Long để cải thiện sự hiểu biết của họ về quyền đối với đất đai.

Bộ Công cụ Đào tạo về Giới và Quyền sở hữu cho tình nguyện viên cộng đồng về bình đẳng giới nhằm tăng cường sự hiểu biết về quyền sở hữu - cụ thể là các quyền đối với đất -- cho phụ nữ và nam giới như những công dân bình đẳng với nhau.

Tuy nhiên, trong thực tế, phụ nữ thường không được đối xử bình đẳng nên bộ tài liệu này sẽ tập trung làm rõ về các quyền của phụ nữ để học viên hiểu rõ hơn phụ nữ có những quyền gì, làm thế nào để phụ nữ nói về quyền của họ, và có những rào cản nào khiến phụ nữ khó thực hiện và bảo vệ được quyền của họ, đồng thời hướng dẫn thực hành giải quyết những vấn đề này.

Với Bộ Công cụ Đào tạo về Giới và Quyền sở hữu cho TNV, ICRW và ISDS nhằm nâng cao:

- Kiến thức của phụ nữ về quyền hợp pháp của họ đối với đất theo luật hiện hành, hiểu biết và sự công nhận quyền bình đẳng của phụ nữ và nam giới trước pháp luật Việt Nam đặc biệt là sự tiếp cận đối với quyền về đất của họ;
- Nhận thức về các thách thức liên quan đến giới trong thực hiện quyền đối với đất ở nông thôn;
- Nhận thức về khả năng của phụ nữ thực hiện và bảo vệ quyền đất đai trong khi tôn trọng các quyền của các công dân khác.

ICRW và ISDS tin rằng bước đầu tiên để đảm bảo quyền về đất là nâng cao nhận thức về quyền hợp pháp của mỗi người và nhấn mạnh rằng các quyền của phụ nữ được bảo vệ bởi luật pháp, và cũng quan trọng như các quyền của nam giới .

Bộ công cụ có 5 hợp phần, bao gồm:

- Quyền và giới ở Việt Nam
- Luật Đất đai và Giới ở Việt nam
- Quyền về nhà, đất trong Luật Hôn nhân & Gia đình ở Việt Nam
- Luật Thừa kế, Di chúc và Phụ nữ ở Việt Nam;
- Kỹ năng Giám sát của các TNV

Các hợp phần được thiết kế để giảng viên có thể sử dụng tất cả cùng một lúc hoặc chỉ tập trung vào một hợp phần nào đó. Tuy nhiên, các bạn nên bắt

đầu với Hợp phần 1 - Quyền và Giới ở Việt Nam, đặc biệt là cho các tình nguyện viên cộng đồng về bình đẳng giới chưa hoặc ít được tập huấn về giới hoặc về quyền. Hợp phần này sử dụng cách tiếp cận dựa trên quyền con người để giới thiệu về các quyền của phụ nữ, quyền về nhà, đất, và giới như một điểm khởi đầu tích cực cho các cuộc thảo luận về quyền đất đai của phụ nữ, theo kinh nghiệm của nhóm tác giả của bộ công cụ này¹ - Trung tâm Quốc tế Nghiên cứu về Phụ nữ và Viện Nghiên cứu Phát triển Xã hội.

Các hợp phần sử dụng các phương pháp khác nhau để lôi cuốn các học viên.

- Thông tin cơ bản giới thiệu tổng quát về nội dung mới, các khái niệm mới và thảo luận về các khía cạnh của giới. Giảng viên có thể sử dụng các thông tin ở phần này như một bài giảng ngắn, tài liệu đọc cho học viên hay như lời giới thiệu một chủ đề mới.
- Bài giảng cung cấp các thông tin cụ thể về

chủ đề của hợp phần. Giảng viên cần trình bày nội dung của bài giảng một cách rõ ràng và đầy đủ.

- Thảo luận thúc đẩy đối thoại trong nhóm, khuyến khích học viên đặt các câu hỏi và chia sẻ kinh nghiệm của họ về sự khác biệt giữa luật tục và luật pháp. Vai trò của giảng viên là hướng dẫn đối thoại hơn là trình bày thông tin.
- Bài tập tạo cơ hội cho học viên thực hành kỹ năng hay ý tưởng mới. Các bài tập có thể sử dụng để làm sáng tỏ hơn những nội dung trong phần giới thiệu, Bài giảng và Thảo luận.
- Tài liệu đọc ở cuối mỗi hợp phần: Giảng viên có thể được sử dụng trong khi tập huấn và các tình nguyện viên có thể sử dụng trong khi tư vấn cho người dân ở cộng đồng hay trong các hoạt động truyền thông thay đổi nhận thức.

1. Bộ Công cụ này bắt nguồn từ tài liệu do ICRW và Liên minh Đất đai Uganda cùng với các tình nguyện viên của Uganda thực hiện.

Bộ Công cụ này là tài liệu hướng dẫn hoạt động cho các tình nguyện viên cộng đồng về bình đẳng giới (TNV). Các hợp phần giới thiệu các thông tin về luật pháp nhằm giúp các TNV hỗ trợ cho người dân và tổ chức các hoạt động truyền thông ở cộng đồng.

Luật pháp về thừa kế, di chúc và quyền phụ nữ

Mục đích của Hợp phần này nhằm

Giúp các CTVBĐG **hiểu rõ hơn về:**

- Thừa kế trong tập quán địa phương và các quy định pháp luật về thừa kế
- Tài sản thừa kế
- Di chúc là gì? Tầm quan trọng của di chúc
- Thừa kế theo di chúc là như thế nào?
- Thừa kế khi người chết không để lại di chúc.

Giúp các CTVBĐG **truyền thông về:**

- Các quy định pháp lý về thừa kế khi có hoặc không có di chúc
- Quyền của phụ nữ và trẻ em gái được thừa kế đất đai và tài sản gắn liền với đất
- Tầm quan trọng của di chúc như là công cụ để bảo vệ phụ nữ và trẻ em gái khỏi bị chiếm đoạt tài sản;

Các CTVBĐG sau khi được tập huấn sẽ giúp người dân ở **địa phương mình:**

- Nâng cao nhận thức về tầm quan trọng của di chúc
- Kiến thức về cách thức lập di chúc.
- Hiểu và thực hiện đúng các thủ tục pháp lý liên quan đến giải quyết tài sản của người chết (kể cả trường hợp người đó chết ở nước ngoài hoặc người chết có tài sản ở nước ngoài).

Các tài liệu đọc

Ở cuối hợp phần là các tài liệu đọc để các CTVBĐG có thể sử dụng trong thời gian tập huấn, hoặc trong thời gian thực hiện các hoạt động của mình, cũng như để nâng cao nhận thức cho người dân tại cộng đồng. Các tài liệu này bao gồm:

- Tài liệu đọc 1: Phụ nữ và vấn đề thừa kế
- Tài liệu đọc 2: Di chúc và Phụ nữ
- Tài liệu đọc 3: Người đã chết để lại di chúc
- Tài liệu đọc 4: Người đã chết không để lại di chúc

Thời lượng: 8 giờ

Vấn đề thừa kế ở Việt Nam

Khi một người có tài sản chết thì vấn đề thừa kế tài sản của người đó sẽ được đặt ra. Việc phân chia tài sản của người quá cố có thể theo di chúc của người đó (thừa kế theo di chúc), hoặc theo các qui định của luật pháp (thừa kế theo pháp luật).

Luật pháp Việt Nam bảo vệ các quyền của phụ nữ về thừa kế. Tuy vậy, trên thực tế các quyền thừa kế của phụ nữ thường bị vi phạm. Những phụ nữ góa thường không được thừa kế tài sản của người chồng, đặc biệt khi tài sản là đất đai. Có trường hợp họ không được quyền chăm sóc con cái của chính họ. Thực tế, có những người phụ nữ ở nông thôn khi chồng chết còn bị đuổi ra khỏi nhà hoặc bị tước đoạt quyền sử dụng đất. Các trẻ em gái đôi khi còn bị chối bỏ quyền được hưởng thừa kế tài sản của người cha để lại.

Luật pháp về thừa kế

Có nhiều văn bản luật pháp quy định về thừa kế. Hiến pháp năm 2013 đã qui định rõ tại Điều 26 “Công dân nam nữ bình đẳng về mọi mặt. Nhà nước có chính sách bảo đảm quyền và cơ hội bình đẳng giới và nghiêm cấm phân biệt đối xử về giới”. Đây là nguyên tắc cơ bản mà trên đó các quy định về quyền thừa kế tài sản của phụ nữ và nam giới trong các văn bản luật pháp khác của Việt Nam được xây dựng.

Văn bản luật pháp quan trọng nhất về thừa kế là Bộ Luật Dân sự năm 2005 của Việt Nam. Bộ luật này có các quy định cụ thể về thừa kế tại Chương 22 - Những quy định chung; Chương 23 - Thừa kế theo di chúc; Chương 24 - Thừa kế theo pháp luật; Chương 25 - Thanh toán và phân chia di sản; và Chương 33 Thừa kế quyền sử dụng đất.

Luật Bình đẳng Giới 2006 khẳng định nguyên tắc bình đẳng về quyền, và nghĩa vụ trong gia đình giữa vợ và chồng.

Luật Hôn nhân và Gia đình 2014 cũng quy định rõ ràng về vấn đề thừa kế tài sản giữa vợ và chồng.

Luật Đất đai 2013 quy định người sử dụng đất có quyền thừa kế, tặng cho quyền sử dụng đất của mình.

Các quy định pháp luật chủ chốt về quyền thừa kế bình đẳng của phụ nữ.

- Mọi cá nhân đều bình đẳng về quyền để lại tài sản của mình cho người khác và quyền hưởng di sản theo di chúc hoặc theo pháp luật (Điều 632 Luật Dân sự 2005);
- Vợ chồng bình đẳng với nhau, có quyền, nghĩa vụ ngang nhau về mọi mặt trong gia đình, trong việc thực hiện các quyền, nghĩa vụ của công dân theo quy định của pháp luật (Điều 17, Luật Hôn nhân và Gia đình 2014)
- Vợ, chồng có quyền, nghĩa vụ ngang nhau trong sở hữu tài sản chung, bình đẳng trong sử dụng nguồn thu nhập chung của vợ chồng và quyết định các nguồn lực trong gia đình (Khoản 2, Điều 18, Luật Bình đẳng Giới 2006).
- Tổ chức, hộ gia đình, cá nhân, cộng đồng dân cư được nhận chuyển quyền sử dụng đất thông qua nhận thừa kế quyền sử dụng đất (Mục d, Khoản 1, Điều 169 Luật Đất đai 2013)

Bài tập: Điều gì diễn ra khi một người chết đi?

Bài tập thực hành này sẽ khuyến khích thảo luận và tìm ra sự khác biệt giữa việc thừa kế xảy ra theo luật tục và theo luật định khi một người đàn ông hay một người phụ nữ chết. Thực hành này cũng nhằm mục đích đánh giá hiểu biết của học viên về các quy định pháp luật về Thừa kế.

1. Giới thiệu một gia đình giả tưởng bằng cách vẽ tranh hoặc liệt kê tên của các thành viên gia đình và quan hệ của họ.
2. Chia nhóm và yêu cầu:
 - Nhóm 1 chuẩn bị tiểu phẩm 5-10 phút và đóng vai về tình huống chia tài sản nếu người chồng chết. Lưu ý làm rõ ai được nhận và không được nhận thừa kế; vợ và các con sống ở đâu. Những nhân vật ra

quyết định về chia thừa kế và người nhận thừa kế phải có mặt trong tiểu phẩm

- Yêu cầu nhóm 2 làm bài tập tương tự nhưng trong trường hợp người vợ chết.
 - Yêu cầu nhóm 3 vẽ tranh về tình huống khi một người chết để lại di chúc;
 - Yêu cầu nhóm 4 vẽ tranh về tình huống khi một người chết không để lại di chúc.
3. Mỗi nhóm trình bày kết quả làm việc của nhóm và sau đó cả lớp cùng thảo luận về những khác biệt mà họ nhận thấy giữa việc phân chia tài sản theo phong tục tập quán và phân chia tài sản theo qui định của pháp luật, cũng như những khác biệt khi một người chết có để lại di chúc với một người chết không để lại di chúc.
4. Đặt các câu hỏi sau cho học viên:
- Tại sao các nhân vật trong tiểu phẩm và trong các bức tranh lại đưa ra những quyết định như vậy?
 - Có những quyết định nào hay hành động nào mà trong đó người phụ nữ bị đối xử khác so với nam giới, hoặc các con gái bị đối xử khác với các con trai hay không?

Quyền thừa kế của phụ nữ

Ở Việt Nam, do truyền thống trọng nam vì mục đích nối dõi tông đường và tín ngưỡng thờ cúng tổ tiên nên con gái thường không được cha mẹ chia tài sản đất đai. Khi đã kết hôn, người con dâu hiếm

khi được cha mẹ chồng chia đất hoặc nhà ở mà thường được coi là ở trên đất của nhà chồng. Trong trường hợp đó nếu người chồng qua đời, người vợ có nguy cơ không được tiếp tục sống trên mảnh đất của nhà chồng, trừ khi người phụ nữ ở cùng con trai và không tái giá. Ngay cả trường hợp đất nhà là tài sản chung của hai vợ chồng thì cũng có khi người phụ nữ vẫn bị thiệt thòi nếu người chồng chết mà người phụ nữ không có bằng chứng về quyền của mình đối với mảnh đất và ngôi nhà. Một số phụ nữ có nguy cơ dễ bị tổn thương hơn là phụ nữ độc thân, phụ nữ goá, ly hôn, có chồng mà không có con, phụ nữ bị nhiễm HIV hoặc bệnh hiểm nghèo, phụ nữ khuyết tật.

Thảo luận: Phụ nữ và Thừa kế (15 phút)

1. Yêu cầu học viên đọc to Tài liệu đọc 1 “Phụ nữ và Thừa kế” lần lượt từng người thay nhau đọc một ý.
2. Đặt các câu hỏi sau cho học viên:
 - Nếu một người nam và một người nữ chưa kết hôn nhưng sống chung với nhau như vợ chồng, luật pháp có thừa nhận những đòi hỏi của họ đối với tài sản của người kia hoặc đối với những tài sản họ có chung với nhau hay không? Điều gì xảy ra nếu như họ đã đăng ký kết hôn theo luật định.
 - Người phụ nữ không có con có quyền hợp pháp để thừa kế tài sản của người chồng không?
3. Khuyến khích học viên đặt câu hỏi.

Tài sản chung, tài sản riêng

Tài sản chung, tài sản riêng

Hiến pháp 2013 ghi rõ quyền sở hữu tư nhân và quyền thừa kế được nhà nước bảo hộ (Điều 32, khoản 2). Bộ luật Dân sự 2005 qui định rõ quyền của phụ nữ và nam giới sở hữu riêng tài sản với tư cách cá nhân hoặc sở hữu tài sản chung với những người khác. Đất, nhà và các công trình xây dựng khác, các hoạt động kinh doanh là những thí dụ về tài sản thường được nhiều người sở hữu chung.

Các thành viên gia đình, kể cả vợ và chồng sở hữu chung một tài sản, đặc biệt là nhà trên đất/hoặc đất, nên quyết định rõ ràng là họ muốn có sở hữu chung hợp nhất hay sở hữu chung theo phần. Bộ Luật Dân sự quy định về vấn đề này như sau:

Điều 214. Sở hữu chung

Sở hữu chung là sở hữu của nhiều chủ sở hữu đối với tài sản. Sở hữu chung bao gồm sở hữu chung theo phần và sở hữu chung hợp nhất. Tài sản thuộc hình thức sở hữu chung là tài sản chung.

Điều 215. Xác lập quyền sở hữu chung: Quyền sở hữu chung được xác lập theo thoả thuận của các chủ sở hữu, theo quy định của pháp luật hoặc theo tập quán.

Điều 216. Sở hữu chung theo phần

1. Sở hữu chung theo phần là sở hữu chung mà trong đó phần quyền sở hữu của mỗi chủ sở hữu được xác định đối với tài sản chung.
2. Mỗi chủ sở hữu chung theo phần có quyền, nghĩa vụ đối với tài sản thuộc sở hữu chung tương ứng với phần quyền sở hữu của mình, trừ trường hợp có thoả thuận khác.

Điều 217. Sở hữu chung hợp nhất

1. Sở hữu chung hợp nhất là sở hữu chung mà trong đó phần quyền sở hữu của mỗi chủ sở

hữu chung không được xác định đối với tài sản chung.

Sở hữu chung hợp nhất bao gồm sở hữu chung hợp nhất có thể phân chia và sở hữu chung hợp nhất không phân chia.

2. Các chủ sở hữu chung hợp nhất có quyền, nghĩa vụ ngang nhau đối với tài sản thuộc sở hữu chung

Điều 219. Sở hữu chung của vợ chồng

1. Sở hữu chung của vợ chồng là sở hữu chung hợp nhất.
2. Vợ chồng cùng nhau tạo lập, phát triển khối tài sản chung bằng công sức của mỗi người; có quyền ngang nhau trong việc chiếm hữu, sử dụng, định đoạt tài sản chung.
3. Vợ chồng cùng bàn bạc, thoả thuận hoặc uỷ quyền cho nhau chiếm hữu, sử dụng, định đoạt tài sản chung.
4. Tài sản chung của vợ chồng có thể phân chia theo thoả thuận hoặc theo quyết định của Tòa án

Việc tài sản của người chết đã từng được quản lý như thế nào khi người đó còn sống có thể ảnh hưởng đến việc phân chia tài sản đó sau khi người ấy chết. Tài sản của người chết sẽ được phân chia theo di chúc của người đó hay theo quy định của pháp luật. Bộ Luật Dân sự 2005 quy định:

Điều 634: Di sản

Di sản (tài sản của người đã chết) bao gồm tài sản riêng của người chết, phần tài sản của người chết trong tài sản chung với người khác.

Điều 636: Thời điểm mở thừa kế:

Kể từ thời điểm mở thừa kế, những người thừa

kể có các quyền, nghĩa vụ tài sản do người chết để lại.

Điều 637: Thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại

1. Những người hưởng thừa kế có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ tài sản trong phạm vi di sản do người chết để lại, trừ trường hợp có thoả thuận khác.
2. Trong trường hợp di sản chưa được chia thì nghĩa vụ tài sản do người chết để lại được

người quản lý di sản thực hiện theo thoả thuận của những người thừa kế.

3. Trong trường hợp di sản đã được chia thì mỗi người thừa kế thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại tương ứng nhưng không vượt quá phần tài sản mà mình đã nhận, trừ trường hợp có thoả thuận khác.

Trong tài liệu 1 còn nêu quy định của Luật Hôn nhân và Gia đình 2014 tại điều 66 về Giải quyết tài sản của vợ chồng trong trường hợp một bên chết hoặc bị Tòa án tuyên bố là đã chết.

Thừa kế và Di chúc

Khi một người trong gia đình qua đời mà có tài sản để lại thì việc giải quyết tài sản của người đó phải được thực hiện theo ý nguyện của người đó nếu có di chúc hoặc theo các quy định của pháp luật nếu không có di chúc. Dưới đây là các quy định của Bộ Luật Dân sự 2005 về giải quyết thừa kế di sản trong trường hợp có di chúc.

Những quy định chung về thừa kế

Sử dụng Tài liệu 1 thay cho bài giảng này. Nhấn mạnh các điều khoản của Bộ Luật Dân sự 2005 về thừa kế trong Phần 4, Chương 12:

- Điều 631. Quyền thừa kế của cá nhân
- Điều 632. Quyền bình đẳng về thừa kế của cá nhân
- Điều 633. Thời điểm, địa điểm mở thừa kế
- Điều 634. Di sản
- Điều 635. Người thừa kế
- Điều 636. Thời điểm phát sinh quyền và nghĩa vụ của người thừa kế
- Điều 641. Việc thừa kế của những người có quyền thừa kế di sản của nhau mà chết cùng thời điểm
- Điều 643. Người không được quyền hưởng di sản
- Điều 645. Thời hiệu khởi kiện về thừa kế

Thừa kế theo pháp luật

Trong trường hợp không có di chúc thì di sản của người đã chết được chia theo các quy định của Bộ Luật Dân sự 2005. Để đảm bảo quyền thừa kế bình đẳng, các tình nguyện viên cần phổ biến cho người dân, nhất là phụ nữ các quy định pháp luật, đồng thời truyền thông để họ người dân nhận thức được ý nghĩa của việc đảm bảo quyền thừa kế của phụ nữ.

Sử dụng Tài liệu 4 thay cho bài giảng này. Đặc

biệt nhấn mạnh các quy định trong Bộ Luật Dân sự 2005 về thừa kế theo pháp luật trong các điều dưới đây:

- Điều 674. Thừa kế theo pháp luật
- Điều 675. Những trường hợp thừa kế theo pháp luật
- Điều 676. Người thừa kế theo pháp luật
- Điều 677. Thừa kế thế vị
- Điều 678. Quan hệ thừa kế giữa con nuôi và cha nuôi, mẹ nuôi và cha đẻ, mẹ đẻ
- Điều 679. Quan hệ thừa kế giữa con riêng và bố dượng, mẹ kế
- Điều 680. Việc thừa kế trong trường hợp vợ, chồng đã chia tài sản chung, đang xin ly hôn, đã kết hôn với người khác

Thừa kế theo di chúc

Nếu người chết để lại di chúc thì việc chia tài sản thừa kế (nếu có) sẽ được giải quyết theo di chúc. Tuy nhiên, theo phong tục truyền thống, trong nhiều trường hợp phụ nữ có thể không được hưởng tài sản nên thường không có tên trong di chúc.

Sử dụng tài liệu 3 thay cho bài giảng này. Đặc biệt chú ý các quy định của Bộ Luật Dân sự 2005 về thừa kế theo di chúc trong các điều khoản tại chương 23:

- Điều 646. Di chúc
- Điều 647. Người lập di chúc
- Điều 648. Quyền của người lập di chúc
- Điều 649. Hình thức của di chúc
- Điều 650. Di chúc bằng văn bản
- Điều 651. Di chúc miệng
- Điều 652. Di chúc hợp pháp
- Điều 653. Nội dung của di chúc bằng văn

bản

- Điều 654. Người làm chứng cho việc lập di chúc
- Điều 655. Di chúc bằng văn bản không có người làm chứng
- Điều 656. Di chúc bằng văn bản có người làm chứng
- Điều 658. Thủ tục lập di chúc tại cơ quan công chứng hoặc Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn
- Điều 662. Sửa đổi, bổ sung, thay thế, huỷ bỏ di chúc
- Điều 663. Di chúc chung của vợ, chồng
- Điều 664. Sửa đổi, bổ sung, thay thế, huỷ bỏ di chúc chung của vợ, chồng
- Điều 665. Gửi giữ di chúc
- Điều 668. Hiệu lực pháp luật của di chúc chung của vợ, chồng

Bài giảng: Thực hiện di chúc của người quá cố

Điều 672. Công bố di chúc

- 1 Trong trường hợp di chúc bằng văn bản được lưu giữ tại cơ quan công chứng thì công chứng viên là người công bố di chúc.
- 2 Trong trường hợp người để lại di chúc chỉ định người công bố di chúc thì người này có nghĩa vụ công bố di chúc; nếu người để lại di chúc không chỉ định hoặc có chỉ định nhưng người được chỉ định từ chối công bố di chúc thì những người thừa kế thoả thuận cử người

công bố di chúc.

- 3 Sau thời điểm mở thừa kế, người công bố di chúc phải sao gửi di chúc tới tất cả những người có liên quan đến nội dung di chúc.
- 4 Người nhận bản sao di chúc có quyền yêu cầu đối chiếu với bản gốc của di chúc.
- 5 Trong trường hợp di chúc được lập bằng tiếng nước ngoài thì bản di chúc đó phải được dịch ra tiếng Việt và phải có công chứng.

Thảo luận: Di chúc có thể giúp ích cho Phụ nữ và các em gái như thế nào? (30 phút)

1. Yêu cầu học viên lần lượt thay nhau đọc to từng đoạn của Tài liệu đọc 2 “Di chúc và Phụ nữ”.
2. Giảng viên đặt các câu hỏi sau cho học viên:
 - Anh/chị có biết ai đã để lại tài sản cho con gái, hoặc cho người vợ, hoặc có biết ai muốn để lại tài sản cho vợ và con gái, hay cháu gái, hoặc người họ hàng là phụ nữ hay không?
 - Anh/chị đã bao giờ chứng kiến ai đó phản đối phụ nữ (em gái, con gái hoặc người họ hàng là nữ) nhận thừa kế tài sản không? Nếu có, xin kể lại rõ hơn.
 - Các con có thể có cuộc sống tốt hơn như thế nào nếu cha mẹ lập di chúc?
 - Anh/chị có thể truyền thông như thế nào cho người dân tại địa phương của mình để giúp họ suy nghĩ về ý tưởng lập thừa kế?
3. Khuyến khích học viên đặt câu hỏi.

Vai trò của cộng tác viên bình đẳng giới trong hỗ trợ giải quyết thừa kế

Thảo luận: Vai trò tiềm năng của TNVBĐG trong tham gia hỗ trợ giải quyết các vấn đề liên quan tới thừa kế (30 phút)

1. Yêu cầu các học viên liệt kê những điều họ có thể làm với vai trò là CTVBĐG để giúp người dân cộng đồng về các trường hợp liên quan tới thừa kế và hưởng thừa kế.
2. Viết các phương án trả lời lên giấy khổ to A0.
3. Gợi ý để học viên liệt kê những vai trò sau đây:
 - Giáo dục cộng đồng về tầm quan trọng của việc lập di chúc.
 - Giúp người dân cộng đồng viết di chúc.
 - Trở thành người làm chứng cho việc lập di chúc, trong trường hợp có thể và/hoặc theo yêu cầu của người lập di chúc. Nhưng không làm chứng nếu bạn giúp lập di chúc.
 - Giúp người dân cộng đồng nắm được về trình tự thủ tục cần thực hiện khi một người chết có để lại di chúc, hoặc khi người chết không để lại di chúc.
 - Hỗ trợ người dân, đặc biệt là phụ nữ góa và trẻ mồ côi có được các giấy tờ cần thiết để làm thủ tục theo bản án, quyết định của Tòa án.
 - Hỗ trợ người dân cộng đồng, đặc biệt là phụ nữ góa và trẻ mồ côi gửi đơn lên Tòa án đến đúng nơi, đúng người có thẩm quyền để giải quyết tranh chấp của họ.
 - Tư vấn và giúp giải quyết mâu thuẫn trong việc thỏa thuận chia thừa kế, hoặc tham gia hòa giải những trường hợp tranh chấp

trong gia đình về việc phân chia tài sản, đảm bảo là quyền của người vợ góa và trẻ mồ côi được bảo vệ.

- Thông báo cho chính quyền và các cơ quan nhà nước có thẩm quyền về các trường hợp vi phạm.

Bài tập thực hành: Tư vấn về vấn đề Thừa kế (1 giờ)

Bây giờ học viên đã có hiểu biết cơ bản về hưởng thừa kế theo di chúc và hưởng thừa kế theo pháp luật. Yêu cầu họ thực hành việc đưa ra những lời khuyên về các vấn đề liên quan tới thừa kế qua trường hợp nghiên cứu cụ thể ở Tài liệu 5:

1. Chia học viên thành 5 nhóm nhỏ. Giao cho mỗi nhóm 2 câu hỏi.
2. Yêu cầu các nhóm đọc kỹ câu hỏi được giao và xác định xem họ có thể khuyên khách hàng của mình như thế nào trong trường hợp này. Tại sao họ lại khuyên như vậy. Nhấn mạnh vai trò của TNV BĐG là cung cấp thông tin và giải thích các qui định của pháp luật nhằm giúp người dân tự đưa ra quyết định về trường hợp của mình.
3. Từng nhóm cử đại diện trình bày kết quả thảo luận và các nhóm khác đóng góp ý kiến.
4. Giảng viên/người điều hành sử dụng, tham khảo các ý chính dành cho giảng viên được đưa ra ở cuối mỗi trường hợp để chắc chắn là các ý được đề cập tới trong phần thảo luận.
5. Tóm tắt phần học này bằng cách chỉnh sửa những lời khuyên chưa chính xác và gây hiểu sai của các nhóm.

Tài liệu 1: Phụ nữ và vấn đề thừa kế

Một số điểm chủ chốt về quyền thừa kế bình đẳng của phụ nữ:

- Theo Hiến pháp 2013 và Luật Dân sự 2005, phụ nữ cũng như nam giới có quyền hưởng thừa kế tài sản. Hiến Pháp qui định phụ nữ có quyền được đối xử bình đẳng với nam giới, và phụ nữ bình đẳng với nam giới về phẩm giá.
- Hiến pháp nghiêm cấm mọi luật pháp, tập quán, tín ngưỡng văn hóa đối xử bất công với phụ nữ và từ chối quyền của phụ nữ hưởng cơ hội ngang bằng với nam giới.
- Phụ nữ có quyền thừa kế tất cả các loại tài sản, bao gồm cả đất đai.
- Tất cả phụ nữ, bất kể tình trạng hôn nhân của họ, đều có quyền thừa kế tài sản và được chỉ định làm người thừa kế. Họ có thể là phụ nữ không có con, phụ nữ khuyết tật, hoặc nhiễm HIV/AIDS, là người độc thân, là phụ nữ chỉ có con gái, không có con trai, v.v.
- Hiến pháp, Luật Dân sự, Luật Hôn nhân và Gia đình qui định phụ nữ góa có quyền hưởng tài sản của người chồng đã chết và quyền chăm sóc, nuôi dưỡng con cái nếu chồng chết.
- Khi một người vợ hoặc một người chồng đòi quyền hợp pháp về thừa kế tài sản của người chồng/vợ đã mất, người đó cần phải là người đã kết hôn hợp pháp theo các hình thái hôn nhân hợp pháp được pháp luật Việt Nam thừa nhận, hoặc được đề cập tới trong di chúc của người chết. Vì vậy việc đăng ký kết hôn là rất quan trọng để đảm bảo quyền của phụ nữ và nam giới trong thừa kế tài sản.

Những quy định cụ thể về thừa kế

Luật Hôn nhân và Gia đình 2014 quy định trong điều 66 về Giải quyết tài sản của vợ chồng trong trường hợp một bên chết hoặc bị Tòa án tuyên bố

là đã chết như sau:

1. Khi một bên vợ, chồng chết hoặc bị Tòa án tuyên bố là đã chết thì bên còn sống quản lý tài sản chung của vợ chồng, trừ trường hợp trong di chúc có chỉ định người khác quản lý di sản hoặc những người thừa kế thỏa thuận cử người khác quản lý di sản.
2. Khi có yêu cầu về chia di sản thì tài sản chung của vợ chồng được chia đôi, trừ trường hợp vợ chồng có thỏa thuận về chế độ tài sản. Phần tài sản của vợ, chồng chết hoặc bị Tòa án tuyên bố là đã chết được chia theo quy định của pháp luật về thừa kế.
3. Trong trường hợp việc chia di sản ảnh hưởng nghiêm trọng đến đời sống của vợ hoặc chồng còn sống, gia đình thì vợ, chồng còn sống có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế phân chia di sản theo quy định của Bộ luật dân sự.
4. Tài sản của vợ chồng trong kinh doanh được giải quyết theo quy định tại các khoản 1, 2 và 3 Điều này, trừ trường hợp pháp luật về kinh doanh có quy định khác.

Bộ Luật Dân sự 2005 quy định về thừa kế tại Phần thứ Tư, Chương 12 với các điều khoản như sau:

Điều 631: Quyền thừa kế của cá nhân

Cá nhân có quyền lập di chúc để định đoạt tài sản của mình, để lại tài sản của mình cho người thừa kế theo pháp luật; hưởng di sản theo di chúc hoặc theo pháp luật.

Điều 632: Quyền bình đẳng về thừa kế của cá nhân

Mọi cá nhân đều bình đẳng về quyền để lại tài sản của mình cho người khác và quyền hưởng di sản theo di chúc hoặc theo pháp luật.

Điều 633: Thời điểm, địa điểm mở thừa kế

1. *Thời điểm mở thừa kế* là thời điểm người để lại

di sản chết. Nếu Tòa án tuyên bố một người đã chết thì tùy từng trường hợp Tòa án xác định ngày chết của người đó. Nếu không xác định được ngày chết thì ngày mà Tòa án quyết định tuyên bố người đó là đã chết có hiệu lực pháp lý được coi là ngày người đó chết.

- Địa điểm mở thừa kế là nơi cư trú cuối cùng của người để lại di sản. Nếu không xác định được nơi cư trú cuối cùng thì địa điểm mở thừa kế là nơi có toàn bộ hoặc một phần di sản. Địa điểm mở thừa kế được xác định theo đơn vị hành chính cấp cơ sở (xã, phường, thị trấn).

Điều 634: Di sản

Di sản gồm tài sản riêng của người chết, phần tài sản của người chết trong phần tài sản chung với người khác và quyền tài sản do người chết để lại.

Điều 635: Người thừa kế

Người thừa kế là cá nhân phải còn sống vào thời điểm mở thừa kế hoặc sinh ra và còn sống sau thời điểm mở thừa kế nhưng đã thành thai trước khi người để lại di sản chết. Trong trường hợp người thừa kế theo di chúc là cơ quan, tổ chức thì phải là cơ quan, tổ chức tồn tại vào thời điểm mở thừa kế.

Điều 636: Thời điểm phát sinh quyền và nghĩa vụ của người thừa kế

Kể từ thời điểm mở thừa kế, những người thừa kế có các quyền, nghĩa vụ tài sản do người chết để lại.

Điều 637. Thực hiện nghĩa vụ tài sản của người chết để lại

- Những người hưởng thừa kế có trách nhiệm thực hiện nghĩa vụ tài sản trong phạm vi di sản do người chết để lại, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.
- Trong trường hợp di sản chưa được chia thì nghĩa vụ tài sản do người chết để lại được người quản lý di sản thực hiện theo thỏa thuận của những người thừa kế.
- Trong trường hợp di sản đã được chia thì mỗi

người thừa kế thực hiện nghĩa vụ tài sản do người chết để lại tương ứng nhưng không vượt quá phần tài sản mà mình đã nhận, trừ trường hợp có thỏa thuận khác.

Điều 641: Những người có quyền thừa kế của nhau mà cùng chết vào một thời điểm

Nếu những người thừa kế tài sản của nhau mà được coi là chết trong cùng một thời điểm thì họ sẽ không được thừa kế của nhau. Di sản của mỗi người được chia cho người thừa kế của họ.

Điều 642. Từ chối nhận di sản

- Người thừa kế có quyền từ chối nhận di sản, trừ trường hợp việc từ chối nhằm trốn tránh việc thực hiện nghĩa vụ tài sản của mình đối với người khác.
- Việc từ chối nhận di sản phải được lập thành văn bản; người từ chối phải báo cho những người thừa kế khác, người được giao nhiệm vụ phân chia di sản, cơ quan công chứng hoặc Ủy ban Nhân dân xã, phường, thị trấn nơi có địa điểm mở thừa kế về việc từ chối nhận di sản.
- Thời hạn từ chối nhận di sản là sáu tháng, kể từ ngày mở thừa kế. Sau sáu tháng kể từ ngày mở thừa kế nếu không có từ chối nhận di sản thì được coi là đồng ý nhận thừa kế.

Điều 643: Người không được hưởng di sản

- Những người sau đây không được quyền hưởng di sản:
 - Người bị kết án về hành vi cố ý xâm phạm tính mạng, sức khỏe hoặc hành vi ngược đãi nghiêm trọng, hành hạ người để lại di sản, xâm phạm nghiêm trọng danh dự nhân phẩm của người đó.
 - Người vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ nuôi dưỡng người để lại di sản.
 - Người bị kết án hành vi cố ý xâm phạm tính mạng người thừa kế khác nhằm hưởng một phần hoặc toàn bộ phần di sản mà người thừa kế có quyền hưởng.

- d. Người có hành vi lừa dối, cưỡng ép hoặc ngăn cản người để lại di sản trong việc lập di chúc; giả mạo di chúc, sửa di chúc, hủy di chúc nhằm hưởng một phần hoặc toàn bộ di sản trái với ý chỉ của người để lại di sản.
2. Tuy nhiên những người trên vẫn được hưởng di sản nếu người để lại di sản biết hành vi của người đó nhưng vẫn cho họ hưởng di sản theo di chúc.

Điều 645: Thời hiệu khởi kiện về thừa kế

Thời hiệu khởi kiện để người thừa kế yêu cầu chia di sản, xác nhận quyền thừa kế của mình hoặc bác bỏ quyền thừa kế của người khác là 10 năm, kể từ thời điểm mở thừa kế. Thời hiệu khởi kiện để yêu cầu người thừa kế thực hiện nghĩa vụ về tài sản của người chết để lại (ví dụ nợ do người chết để lại) là ba năm, kể từ thời điểm mở thừa kế.

Thừa kế quyền sử dụng đất

Chương 33 Bộ Luật Dân sự 2005 có các quy định

cụ thể về thừa kế quyền sử dụng đất như sau:

Điều 733. Thừa kế quyền sử dụng đất

Thừa kế quyền sử dụng đất là việc chuyển quyền sử dụng đất của người chết sang cho người thừa kế theo quy định của Bộ luật này và pháp luật về đất đai.

Điều 734. Cá nhân để thừa kế quyền sử dụng đất

Cá nhân được Nhà nước giao đất, cho thuê đất, nhận chuyển quyền sử dụng đất có quyền để thừa kế quyền sử dụng đất theo quy định tại Phần thứ tư của Bộ luật này và pháp luật về đất đai.

Điều 735. Thừa kế quyền sử dụng đất được Nhà nước giao cho hộ gia đình

Hộ gia đình được Nhà nước giao đất nếu trong hộ có thành viên chết thì quyền sử dụng đất của thành viên đó được để lại cho những người thừa kế theo quy định tại Phần thứ tư của Bộ luật này và pháp luật về đất đai.

Tài liệu 2: Di chúc và phụ nữ

Di chúc có thể bảo vệ quyền thừa kế tài sản của phụ nữ

- Một cách làm hữu ích để bảo vệ quyền thừa kế tài sản của phụ nữ và các em gái là thông qua di chúc. Một bản di chúc sẽ đảm bảo trong trường hợp người chết muốn để lại tài sản cho vợ và con gái hay những người phụ nữ phụ thuộc khác, ý định của người đó là đúng và được luật pháp bảo hộ.
- Khi soạn thảo di chúc, người chồng cần đảm bảo ghi rõ các khoản dành cho vợ, cho con gái, con trai. Nếu không di chúc sẽ có thể gây tranh cãi. Người vợ cũng phải ghi rõ các khoản dành cho chồng, và các con; nếu không di chúc có thể gây tranh cãi.
- Phụ nữ có thể được chỉ định làm người quản lý di sản và/hoặc được tòa án có thẩm quyền chỉ định làm người quản lý di sản của người chết mà không để lại di chúc.
- Phụ nữ có quyền lập di chúc để lại tài sản của họ.

Tài liệu đọc 3: Nếu người chết để lại di chúc

Các quy định pháp luật về di chúc và thừa kế theo di chúc

Bộ Luật Dân sự quy định thừa kế theo di chúc tại chương 23 với những điều, khoản sau đây:

Điều 646. Di chúc

Di chúc là sự thể hiện ý chí của cá nhân nhằm chuyển tài sản của mình cho người khác sau khi chết.

Điều 647. Người lập di chúc

1. Người đã thành niên có quyền lập di chúc, trừ trường hợp người đó bị bệnh tâm thần hoặc các bệnh khác mà không thể nhận thức và làm chủ được hành vi của mình.
2. Người từ đủ 15 tuổi đến chưa đủ 18 tuổi có thể lập di chúc, nếu được cha mẹ hoặc người giám hộ đồng ý.

Điều 648. Quyền của người lập di chúc

1. Chỉ định người thừa kế; truất quyền hưởng di sản của người thừa kế;
2. Phân định phần di sản cho từng người thừa kế;
3. Dành một phần tài sản trong khối di sản để di tặng, thờ cúng;
4. Giao nghĩa vụ cho người thừa kế trong phạm vi di sản;
5. Chỉ định người giữ di chúc, người quản lý và phân chia di sản.

Điều 649. Hình thức của di chúc

Di chúc phải được lập thành văn bản, nếu không thể lập di chúc thành văn bản thì có thể di chúc miệng. Người dân tộc thiểu số có quyền lập di chúc bằng chữ viết hoặc tiếng nói của dân tộc mình.

Điều 650. Di chúc bằng văn bản

Di chúc bằng văn bản có thể là:

1. Di chúc bằng văn bản không có người làm chứng;
2. Di chúc bằng văn bản có người làm chứng;
3. Di chúc bằng văn bản có công chứng;
4. Di chúc bằng văn bản có chứng thực.

Điều 651. Di chúc miệng

1. Trong trường hợp tính mạng một người bị cái chết đe dọa do bệnh tật hoặc các nguyên nhân khác mà không thể lập di chúc bằng văn bản thì có thể di chúc miệng.
2. Sau ba tháng, kể từ thời điểm di chúc miệng mà người di chúc còn sống, minh mẫn, sáng suốt thì di chúc miệng mặc nhiên bị huỷ bỏ.

Điều 652. Di chúc hợp pháp

1. Di chúc được coi là hợp pháp phải có đủ các điều kiện sau đây:
 - a. Người lập di chúc minh mẫn, sáng suốt trong khi lập di chúc; không bị lừa dối, đe dọa hoặc cưỡng ép;
 - b. Nội dung di chúc không trái pháp luật, đạo đức xã hội; hình thức di chúc không trái quy định của pháp luật.
2. Di chúc của người từ đủ mười lăm tuổi đến chưa đủ mười tám tuổi phải được lập thành văn bản và phải được cha, mẹ hoặc người giám hộ đồng ý.
3. Di chúc của người bị hạn chế về thể chất hoặc của người không biết chữ phải được người làm chứng lập thành văn bản và có công chứng hoặc chứng thực.
4. Di chúc bằng văn bản không có công chứng,

chứng thực chỉ được coi là hợp pháp, nếu có đủ các điều kiện được quy định tại khoản 1 Điều này.

5. Di chúc miệng được coi là hợp pháp, nếu người di chúc miệng thể hiện ý chí cuối cùng của mình trước mặt ít nhất hai người làm chứng và ngay sau đó những người làm chứng ghi chép lại, cùng ký tên hoặc điểm chỉ. Trong thời hạn năm ngày, kể từ ngày người di chúc miệng thể hiện ý chí cuối cùng thì di chúc phải được công chứng hoặc chứng thực.

Điều 653. Nội dung của di chúc bằng văn bản.

1. Di chúc phải ghi rõ:
 - b. Ngày, tháng, năm lập di chúc;
 - c. Họ, tên và nơi cư trú của người lập di chúc;
 - d. Họ, tên người, cơ quan, tổ chức được hưởng di sản hoặc xác định rõ các điều kiện để cá nhân, cơ quan, tổ chức được hưởng di sản;
 - e. Di sản để lại và nơi có di sản;
 - f. Việc chỉ định người thực hiện nghĩa vụ và nội dung của nghĩa vụ.
2. Di chúc không được viết tắt hoặc viết bằng ký hiệu; nếu di chúc gồm nhiều trang thì mỗi trang phải được đánh số thứ tự và có chữ ký hoặc điểm chỉ của người lập di chúc.

Điều 654. Người làm chứng cho việc lập di chúc

Mọi người đều có thể làm chứng cho việc lập di chúc, trừ những người sau đây:

1. Người thừa kế theo di chúc hoặc theo pháp luật của người lập di chúc;
2. Người có quyền, nghĩa vụ tài sản liên quan đến nội dung di chúc;
3. Người chưa đủ 18 tuổi, người không có năng lực hành vi dân sự.

Điều 655. Di chúc bằng văn bản không có người làm chứng

Người lập di chúc phải tự tay viết và ký vào văn bản di chúc. Việc lập di chúc bằng văn bản không có người làm chứng phải tuân theo điều 653 của bộ luật này.

Điều 656. Di chúc bằng văn bản có người làm chứng

Trong trường hợp người lập di chúc không thể tự mình viết bản di chúc thì có thể nhờ người khác viết, nhưng phải có ít nhất hai người làm chứng. Người lập di chúc phải ký hoặc điểm chỉ vào bản di chúc trước mặt những người làm chứng; những người làm chứng xác nhận chữ ký, điểm chỉ của người lập di chúc và ký vào bản di chúc.

Điều 658. Thủ tục lập di chúc tại cơ quan công chứng hoặc Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn.

Việc lập di chúc tại cơ quan công chứng hoặc Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn phải tuân theo thủ tục sau đây:

1. Người lập di chúc tuyên bố nội dung của di chúc trước công chứng viên hoặc người có thẩm quyền chứng thực của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn. Công chứng viên hoặc người có thẩm quyền chứng thực phải ghi chép lại nội dung mà người lập di chúc đã tuyên bố. Người lập di chúc ký hoặc điểm chỉ vào bản di chúc sau khi xác nhận bản di chúc đã được ghi chép chính xác và thể hiện đúng ý chí của mình. Công chứng viên hoặc người có thẩm quyền chứng thực của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn ký vào bản di chúc;
2. Trong trường hợp người lập di chúc không đọc được hoặc không nghe được bản di chúc, không ký hoặc không điểm chỉ được thì phải nhờ người làm chứng và người này phải ký xác nhận trước mặt công chứng viên hoặc người có thẩm quyền chứng thực của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn. Công chứng viên, người có thẩm quyền chứng thực của Ủy

ban nhân dân xã, phường, thị trấn chứng nhận bản di chúc trước mặt người lập di chúc và người làm chứng.

Điều 662. Sửa đổi, bổ sung, thay thế, hủy bỏ di chúc

1. Người lập di chúc có thể sửa đổi, bổ sung, thay thế, hủy bỏ di chúc vào bất cứ lúc nào.
2. Trong trường hợp người lập di chúc bổ sung di chúc thì di chúc đã lập và phần bổ sung có hiệu lực pháp luật như nhau; nếu một phần của di chúc đã lập và phần bổ sung mâu thuẫn nhau thì chỉ phần bổ sung có hiệu lực pháp luật.
3. Trong trường hợp người lập di chúc thay thế di chúc bằng di chúc mới thì di chúc trước bị hủy bỏ.

Điều 663. Di chúc chung của vợ, chồng. Vợ, chồng có thể lập di chúc chung để định đoạt tài sản chung.

Điều 664. Sửa đổi, bổ sung, thay thế, hủy bỏ di chúc chung của vợ, chồng.

1. Vợ chồng có thể sửa đổi, bổ sung, thay thế, hủy bỏ di chúc chung bất cứ lúc nào.
2. Khi vợ hoặc chồng muốn sửa đổi, bổ sung, thay thế, hủy bỏ di chúc chung thì phải được sự đồng ý của người kia; nếu một người đã chết thì người kia chỉ có thể sửa đổi, bổ sung di chúc liên quan đến phần tài sản của mình.

Điều 665. Gửi giữ Di chúc

1. Người lập di chúc có thể yêu cầu cơ quan công chứng lưu giữ hoặc gửi người khác giữ bản di chúc.
2. Trong trường hợp cơ quan công chứng lưu giữ bản di chúc thì phải bảo quản giữ gìn theo quy định của pháp luật về công chứng.
3. Cá nhân giữ bản di chúc phải có các nghĩa vụ sau đây:

- a. Giữ bí mật nội dung di chúc;
- b. Giữ gìn bảo quản di chúc; nếu bản di chúc bị thất lạc, hư hại thì phải báo ngay cho người lập di chúc.
- c. Giao lại bản di chúc cho người thừa kế hoặc người có thẩm quyền công bố di chúc, khi người lập di chúc chết. Việc giao lại bản di chúc phải được lập thành văn bản, có chữ ký của người giao, nhận và trước sự có mặt của hai người làm chứng.

Điều 666. Di chúc bị thất lạc, hư hại:

1. Kể từ thời điểm mở thừa kế, nếu bản di chúc bị thất lạc hoặc bị hư hại đến mức không thể hiện được đầy đủ ý chí của người lập di chúc và cũng không có bằng chứng nào chứng minh được ý nguyện đích thực của người lập di chúc thì coi như không có di chúc và áp dụng các quy định về thừa kế theo pháp luật.
2. Trong trường hợp di sản chưa chia mà tìm thấy di chúc thì di sản được chia theo di chúc.

Điều 667. Hiệu lực pháp luật của di chúc

1. Di chúc có hiệu lực pháp luật từ thời điểm mở thừa kế.
2. Di chúc không có hiệu lực pháp luật toàn bộ hoặc một phần trong các trường hợp sau đây:
 - a. Người thừa kế theo di chúc chết trước hoặc chết cùng thời điểm với người lập di chúc;
 - b. Cơ quan, tổ chức được chỉ định là người thừa kế không còn vào thời điểm với người lập di chúc;

Trong trường hợp có nhiều người thừa kế theo di chúc mà có người chết trước hoặc chết cùng thời điểm với người lập di chúc, một trong nhiều cơ quan, tổ chức được chỉ định hưởng thừa kế theo di chúc không còn vào thời điểm mở thừa kế thì chỉ phần di chúc có liên quan đến cá nhân, cơ quan, tổ chức này không có hiệu lực pháp luật.

3. Di chúc không có hiệu lực pháp luật nếu di sản để lại cho người thừa kế không còn vào thời điểm mở thừa kế; nếu di sản để lại cho người thừa kế chỉ còn một phần thì phần di chúc về phần di sản còn lại vẫn có hiệu lực.
4. Khi di chúc có phần không hợp pháp mà không ảnh hưởng đến hiệu lực của các phần còn lại thì chỉ phần đó không có hiệu lực pháp luật.
5. Khi một người để lại nhiều bản di chúc đối với một tài sản thì chỉ bản di chúc sau cùng có hiệu lực pháp luật.

Điều 668. Hiệu lực pháp luật của di chúc chung của vợ, chồng

Di chúc chung của vợ, chồng có hiệu lực từ thời điểm người sau cùng chết hoặc tại thời điểm vợ, chồng cùng chết.

Điều 669. Người thừa kế không phụ thuộc và nội dung của di chúc

Những người sau đây vẫn được hưởng phần di sản bằng hai phần ba suất của một người thừa kế theo pháp luật, nếu di sản được chia theo pháp luật, trong trường hợp họ không được người lập di chúc cho hưởng di sản hoặc chỉ cho hưởng phần di sản ít hơn hai phần ba suất đó, trừ khi họ là những người từ chối nhận di sản theo quy định tại Điều 642 hoặc họ là những người không có quyền hưởng di sản theo quy định tại khoản 1 Điều 643 của Luật này:

1. Con chưa thành niên, cha, mẹ, vợ, chồng;
2. Con đã thành niên mà không có khả năng lao động.

Điều 670. Di sản dùng vào việc thờ cúng

1. Trong trường hợp người lập di chúc có để lại một phần di sản dùng vào việc thờ cúng thì phần di sản đó không được chia thừa kế và được giao cho một người đã được chỉ định trong di chúc quản lý để thực hiện việc thờ cúng; nếu người được chỉ định không thực hiện đúng di chúc hoặc không theo thỏa thuận

của những người thừa kế thì những người thừa kế có quyền giao phần di sản dùng vào việc thờ cúng cho người khác quản lý để thờ cúng.

Trong trường hợp người để lại di sản không chỉ định người quản lý di sản thờ cúng thì những người thừa kế cử một người quản lý di sản thờ cúng.

Trong trường hợp tất cả những người thừa kế theo di chúc đều đã chết thì phần di sản để thờ cúng thuộc về người đang quản lý hợp pháp di sản đó trong số những người thuộc diện thừa kế theo pháp luật.

2. Trong trường hợp toàn bộ di sản của người chết không đủ để thanh toán nghĩa vụ tài sản của người đó thì không được dành một phần di sản dùng vào việc thờ cúng.

Điều 672. Công bố di chúc

1. Trong trường hợp di chúc bằng văn bản được lưu giữ tại cơ quan công chứng thì công chứng viên là người công bố di chúc.
2. Trong trường hợp người để lại di chúc chỉ định người công bố di chúc thì người này có nghĩa vụ công bố di chúc; nếu người để lại di chúc không chỉ định hoặc có chỉ định nhưng người được chỉ định từ chối công bố di chúc thì những người thừa kế thỏa thuận cử người công bố di chúc.
3. Sau thời điểm mở thừa kế, người công bố di chúc phải sao gửi di chúc tới tất cả những người có liên quan đến nội dung di chúc.
4. Người nhận bản sao di chúc có quyền yêu cầu đối chiếu với bản gốc của di chúc.
5. Trong trường hợp di chúc được lập bằng tiếng nước ngoài thì bản di chúc đó phải được dịch ra tiếng Việt và phải có công chứng.

Điều 673. Giải thích nội dung di chúc

Trong trường hợp nội dung di chúc không rõ ràng dẫn đến nhiều cách hiểu khác nhau thì người công bố di chúc và những người thừa kế phải cùng nhau

giải thích nội dung di chúc dựa trên ý nguyện đích thực của người chết, có xem xét đến mối quan hệ của người chết với người thừa kế theo di chúc. Khi những người này không nhất trí về cách hiểu nội dung di chúc thì coi như không có di chúc và việc chia di sản được áp dụng theo qui định về thừa kế theo pháp luật.

Trong trường hợp có một phần nội dung di chúc không giải thích được nhưng không ảnh hưởng đến các phần còn lại của di chúc thì chỉ phần không giải thích được không có hiệu lực.

Điều 767. Thừa kế theo pháp luật có yếu tố nước ngoài (có yếu tố nước ngoài là có đương sự hoặc tài sản ở nước ngoài)

- 1 Thừa kế theo pháp luật có yếu tố nước ngoài phải tuân theo pháp luật của nước mà người để lại di sản thừa kế có quốc tịch trước khi

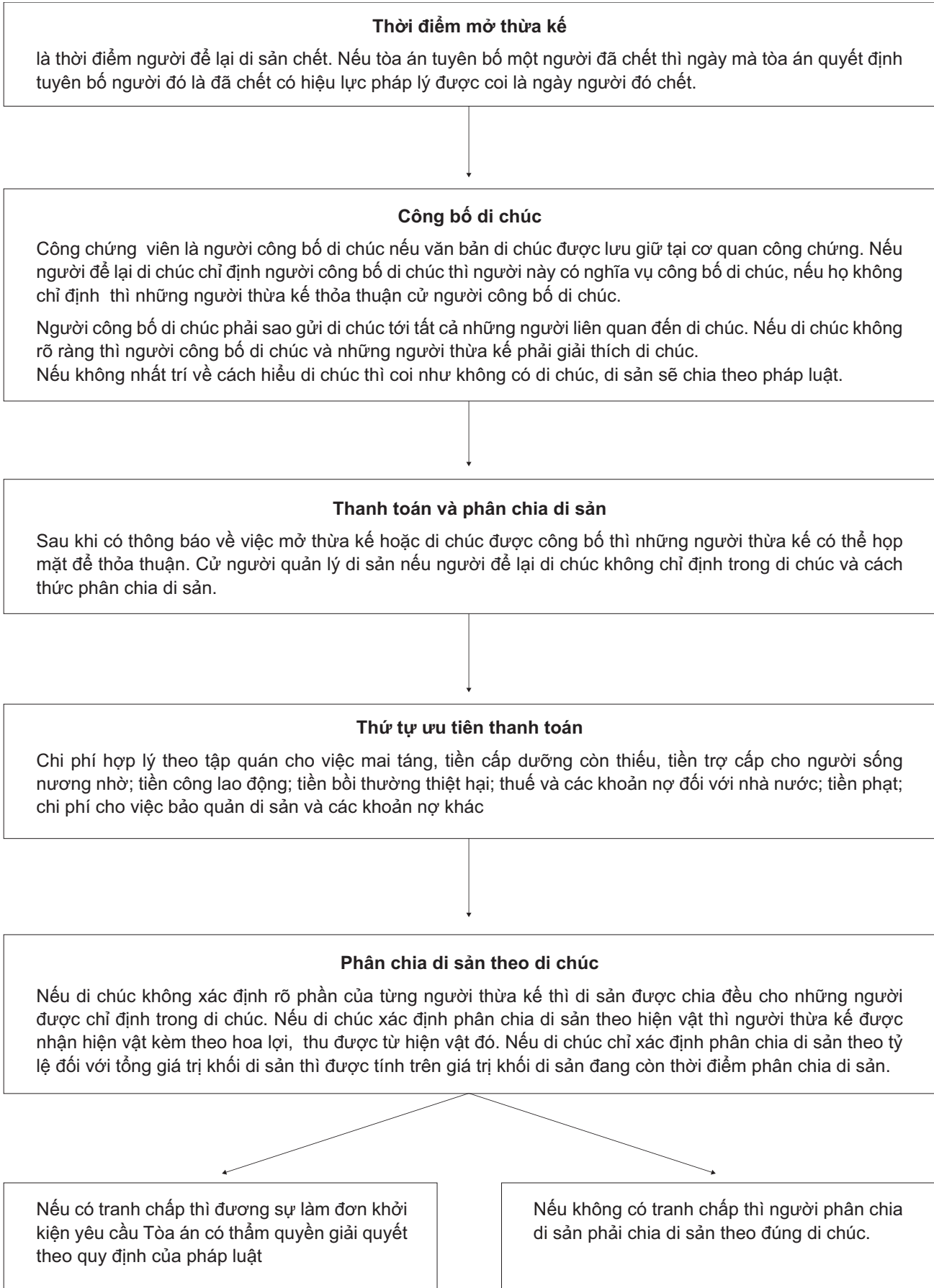
chết.

- 2 Quyền thừa kế đối với bất động sản phải tuân theo pháp luật của nước nơi có bất động sản đó.
- 3 Di sản không có người thừa kế là bất động sản thuộc về nhà nước nơi có bất động sản đó.
- 4 Di sản không có người thừa kế là động sản thuộc về nhà nước nơi có động sản đó.

Điều 768. Thừa kế theo di chúc

- 1 Năng lực lập di chúc, thay đổi và hủy bỏ di chúc phải tuân theo pháp luật của nước mà người lập di chúc là công dân.
- 2 Hình thức của di chúc phải tuân theo pháp luật của nước nơi lập di chúc.

Sơ đồ trình tự thực hiện giải quyết thừa kế theo di chúc



Tài liệu đọc 4: nếu người chết không để lại di chúc (Thừa kế theo pháp luật)

Các quy định pháp luật về thừa kế khi không có di chúc

Bộ Luật Dân sự 2005 quy định:

Điều 674: Thừa kế theo pháp luật

Thừa kế theo pháp luật là thừa kế theo hàng thừa kế, điều kiện và trình tự thừa kế do pháp luật quy định.

Điều 675: Những trường hợp thừa kế theo pháp luật

- Thừa kế theo pháp luật được áp dụng khi
 - Không có di chúc
 - Di chúc không hợp pháp
 - Những người thừa kế theo di chúc đều chết trước hoặc chết cùng thời điểm với người lập di chúc; Cơ quan, tổ chức được hưởng thừa kế theo di chúc không còn vào thời điểm mở thừa kế;
 - Những người được chỉ định làm người thừa kế theo di chúc không có quyền hưởng di sản hoặc từ chối nhận di sản.
- Thừa kế theo pháp luật cũng được áp dụng đối với các phần di sản sau đây:
 - Phần di sản không được định đoạt trong di chúc;
 - Phần di sản có liên quan đến người thừa kế theo di chúc không có hiệu lực pháp luật;
 - Phần di sản có liên quan đến người thừa kế theo di chúc nhưng họ không có quyền hưởng di sản, từ chối quyền nhận di sản, chết trước hoặc chết cùng thời điểm với

người lập di chúc; phần tài sản có liên quan đến đến cơ quan, tổ chức được hưởng di sản theo di chúc nhưng không tồn tại vào thời điểm mở thừa kế;

Điều 676. Người thừa kế theo pháp luật

- Những người thừa kế theo pháp luật được quy định theo thứ tự sau đây:
 - Hàng thừa kế thứ nhất gồm: vợ, chồng, cha đẻ, mẹ đẻ, cha nuôi, mẹ nuôi, con đẻ, con nuôi của người chết;
 - Hàng thừa kế thứ hai gồm: ông nội, bà nội, ông ngoại, bà ngoại, anh ruột, chị ruột, em ruột của người chết; cháu ruột của người chết mà người chết là ông nội, bà nội, ông ngoại, bà ngoại;
 - Hàng thừa kế thứ ba gồm: cụ nội, cụ ngoại của người chết; bác ruột, chú ruột, cậu ruột, cô ruột, dì ruột của người chết; cháu ruột của người chết mà người chết là bác ruột, chú ruột, cậu ruột, cô ruột, dì ruột, chắt ruột của người chết mà người chết là cụ nội, cụ ngoại.
- Những người thừa kế cùng hàng được hưởng phần di sản bằng nhau.
- Những người ở hàng thừa kế sau chỉ được hưởng thừa kế, nếu không còn ai ở hàng thừa kế trước do đã chết, không có quyền hưởng di sản, bị truất quyền hưởng di sản hoặc từ chối nhận di sản.

Điều 677: Thừa kế thế vị

Trong trường hợp con của người để lại di sản chết trước hoặc cùng thời điểm với người để lại di sản thì cháu được hưởng phần di sản mà cha hoặc mẹ

của cháu được hưởng nếu còn sống; nếu cháu cũng chết trước hoặc cùng một thời điểm với người để lại di sản thì chất được hưởng phần di sản mà cha mẹ của chất được hưởng nếu còn sống.

Điều 678. Quan hệ thừa kế giữa con nuôi và cha nuôi, mẹ nuôi và cha đẻ, mẹ đẻ

Con nuôi và cha nuôi, mẹ nuôi được thừa kế di sản của nhau và còn được thừa kế di sản theo quy định tại Điều 676 và Điều 677 của Luật này.

Điều 679. Quan hệ thừa kế giữa con riêng và bố dượng, mẹ kế

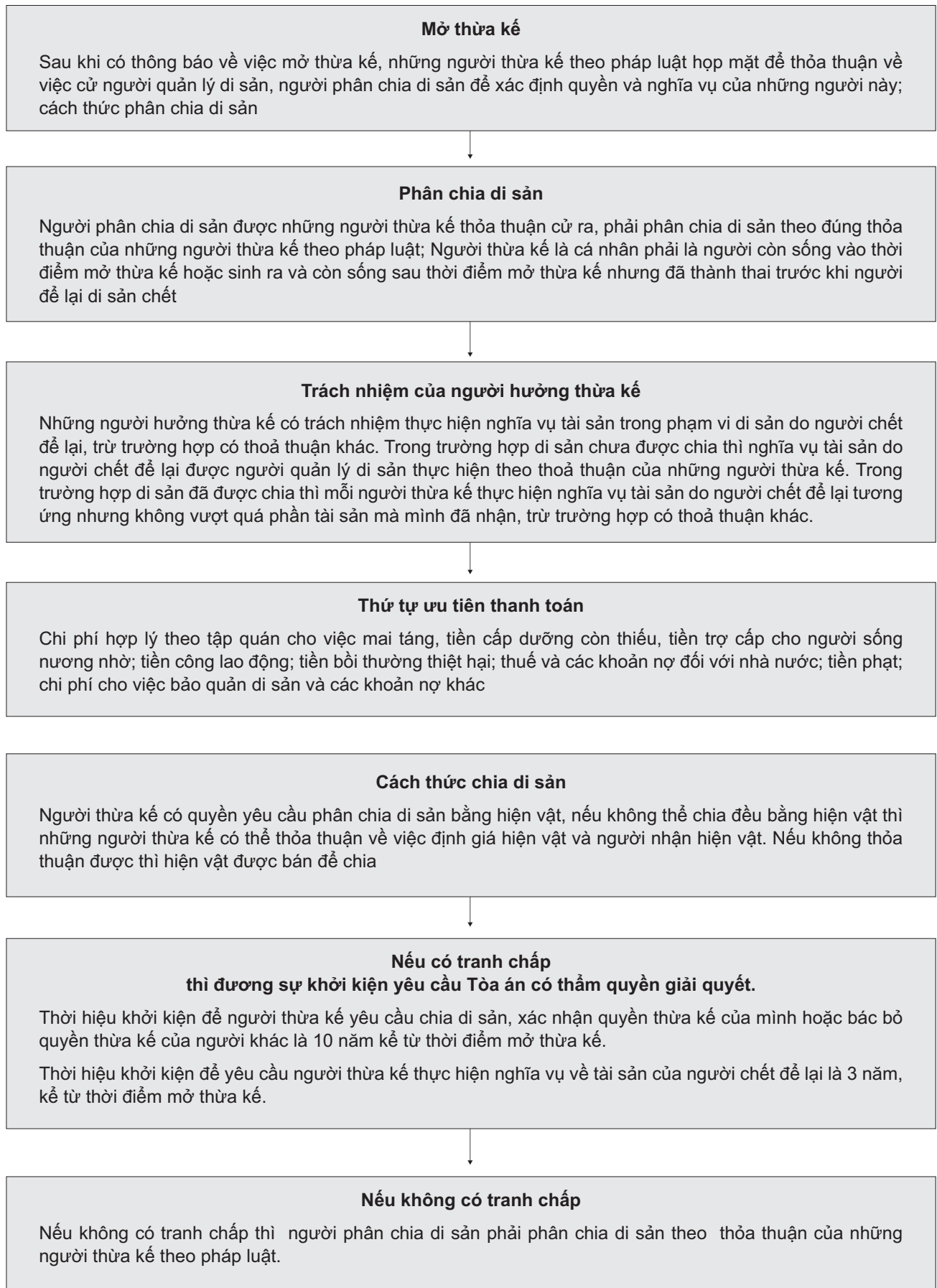
Con riêng và bố dượng, mẹ kế nếu có quan hệ chăm sóc, nuôi dưỡng nhau như cha con, mẹ con thì được thừa kế di sản của nhau và còn được thừa kế di sản theo quy định tại Điều 676 và Điều

677 của Luật này.

Điều 680. Việc thừa kế trong trường hợp vợ, chồng đã chia tài sản chung, đang xin ly hôn, đã kết hôn với người khác

1. Trong trường hợp vợ, chồng đã chia tài sản chung khi hôn nhân còn tồn tại mà sau đó một người chết thì người còn sống vẫn được thừa kế di sản.
2. Trong trường hợp vợ, chồng xin ly hôn mà chưa được hoặc đã được Tòa án cho ly hôn bằng bản án hoặc quyết định chưa có hiệu lực pháp luật nếu một người chết thì người còn sống vẫn được thừa kế di sản.
3. Người đang là vợ là chồng của một người tại thời điểm người đó chết thì dù sau đó đã kết hôn với người khác vẫn được thừa kế di sản.

Sơ đồ trình tự thủ tục thực hiện thừa kế khi không có di chúc



Tài liệu 5. Câu chuyện chia thừa kế

Ông An và bà Hân có 5 người con, Bà Hân bị bệnh hiểm nghèo chết khi vừa sinh người con trai út được 3 ngày. Chị Thanh là chị cả và là con gái duy nhất trong 5 chị em. *Thương cha cảnh “gà trống nuôi con” nên chị Thanh không đi lấy chồng mà ở vậy cùng cha chăm sóc các em. Nay ba người em trai của chị đã trưởng thành và đều đã lập gia đình. Anh Lâm kết hôn với chị Mai có hai con là cháu Tâm và cháu Linh. Anh Hùng kết hôn với chị Vân có cháu Thảo, anh Tân kết hôn với chị Hà có con là cháu Lê. Khi chị Hà đang mang thai cháu Lê thì anh Tân chết trong tai nạn ô tô, trước khi ông An chết. Còn người em trai út tên là Dân năm nay mới 12 tuổi sống cùng với chị và người cha.*

Thương con gái đã hy sinh hạnh phúc riêng để chăm sóc phụng dưỡng bố và thay mẹ nuôi các em khôn lớn, trước khi chết, ông An đã để lại di chúc (bản di chúc này là hợp pháp) ghi rõ rằng ông có 350 triệu tiền tiết kiệm gửi ở Ngân hàng Nông nghiệp sẽ chia đều cho 5 người con. Diện tích 500m² đất thổ cư chia cho anh Lâm, anh Hùng và anh Tân mỗi người 100m². Diện tích 150m² trên có căn nhà ông và chị Thanh, em Dân đang ở thì làm nhà thờ họ. Còn 50m² cạnh phần đất làm nhà thờ họ để lại cho chị Thanh làm nhà ở. Dân còn nhỏ nên không được ông An nhắc đến trong bản di chúc.

Sau khi ông An chết, trong cuộc họp gia đình, ông Lành là em ruột ông An công bố bản di chúc. Tất cả các con, cháu của ông An đều thừa nhận bản di chúc của ông An là đúng ý chí, nguyện vọng của ông khi còn sống và hợp pháp. Tuy nhiên, ông chú và các em trai cho rằng theo tập quán ở địa phương, đất thổ cư chỉ được chia cho các con trai, không cho con gái. Hơn nữa ông An là trưởng tộc, chịu trách nhiệm thờ cúng tổ tiên nên không thể cho chị Thanh làm nhà trên phần đất này.

1. Di sản thừa kế ông An để lại là gì? Ai là người thừa kế theo pháp luật của ông An?

Trả lời: Trong trường hợp này, thì ông Lành (là em

ông An) đã được ông An chỉ định là người quản lý di sản, người giữ di chúc và phân chia di sản trong bản di chúc. Theo quy định tại điều 681 Bộ luật dân sự 2005 khi ông Lành công bố di chúc của ông An thì tất cả những người trong gia đình ông An cần họp mặt để nắm rõ ý chí của ông An trong di chúc cũng như quyền và nghĩa vụ của họ. Di sản ông An để lại là căn nhà trên diện tích 500m² đất thổ cư trên có một căn nhà và 350 triệu đồng tiền tiết kiệm tại Ngân hàng Nông nghiệp. Hàng thừa kế thứ nhất của ông An gồm: Chị Thanh, anh Lâm, Anh Hùng, em Dân và cháu Lê (thừa kế thế vị); Hàng thừa kế thứ hai gồm: Cháu Tâm, cháu Linh và cháu Thảo và ông Lành.

2. Khi chết ông An còn một khoản nợ ngân hàng Nông nghiệp là 16 triệu đồng. Vậy ai là người phải trả nợ thay ông An khoản nợ đó?

Trả lời: Theo nội dung bản di chúc thì ông An có khoản tiền 350 triệu tại Ngân hàng Nông nghiệp. Sau khi đã trừ đi khoản chi phí mai táng và khoản nợ 16 triệu của Ngân hàng Nông nghiệp thì khoản tiền còn lại sẽ chia cho 5 người con của ông An.

3. Chị Thanh là con gái có quyền được nhận di sản thừa kế là một phần diện tích đất thổ cư mà người cha đã di chúc lại không?

Trả lời: Điều 16 và điều 26 Hiến pháp năm 2014 quy định: Mọi người đều bình đẳng trước pháp luật; Không ai bị phân biệt đối xử trong đời sống chính trị, dân sự, kinh tế, văn hóa, xã hội; Công dân nam, nữ bình đẳng về mọi mặt. Nhà nước có chính sách bảo đảm quyền và cơ hội bình đẳng giới; Nhà nước, xã hội và gia đình tạo điều kiện để phụ nữ phát triển toàn diện, phát huy vai trò của mình trong xã hội”. Do đó, trong trường hợp này chị Thanh được bình đẳng với 4 người em của mình trước pháp luật, quyền bình đẳng của chị Thanh được Nhà nước bảo vệ. Mặt khác, trước khi chết ông An có di chúc để lại cho chị 50m² đất thổ cư và khoản tiền tiết kiệm. Đồng thời, chị

Thanh lại không thuộc một trong các trường hợp không được hưởng di sản thừa kế theo quy định tại Điều 643 Bộ luật dân sự. Do vậy, chị Thanh được hưởng phần đất thổ cư và một khoản tiền tiết kiệm mà bố chị để lại cho chị như trong di chúc.

4. Em Dân cũng là con trai của ông An nhưng hầu như không được ông An để lại gì thừa kế theo di chúc, vậy để em Dân được hưởng thừa kế thì phải làm thế nào?

Trả lời: Pháp luật có quy định cá nhân có quyền để lại thừa kế cho bất kỳ người nào. Trong trường hợp này, em Dân không có tên trong danh sách những người được thừa kế như trong di chúc của ông An. Tuy nhiên, vì em Dân mới 12 tuổi, theo Khoản 1 Điều 669 Bộ luật Dân sự năm 2005 em Dân là con chưa thành niên của ông An nên em Dân vẫn được hưởng phần di sản bằng 2/3 suất của một người thừa kế theo pháp luật. Vì em Dân còn nhỏ chưa tự quản lý được tài sản nên tốt nhất là ba anh trai cùng góp tiền lại thành một khoản trị giá bằng 2/3 số tài sản mà mỗi người được hưởng từ di sản của ông An. Số tiền đó cùng với số tiền mà Dân được hưởng từ khoản tiền mặt còn lại của ông An sẽ giao cho chị Thanh quản lý một phần để chi phí cho học hành và cuộc sống của Dân đến khi trưởng thành. Số còn lại có thể gửi vào ngân hàng cho đến khi Dân đủ 18 tuổi và tự quyết định sẽ sử dụng như thế nào.

5. Trong trường hợp ông An không để lại di chúc thì di sản của ông An sẽ được chia như thế nào, ai là người được hưởng?

Trả lời: Theo quy định tại điều 675, 676 Bộ luật Dân sự thì trong trường hợp ông An không để lại di chúc hoặc di chúc của ông An không hợp pháp thì di sản của ông An được chia theo pháp luật. Hàng thừa kế thứ nhất của ông An gồm: Chị Thanh, anh Lâm, anh Hùng, em Dân và cháu Lê (thừa kế thế vị). Vì bố của cháu Lê chết trước ông An nên cháu Lê trở thành người thừa kế thế vị và được hưởng phần tài sản mà lẽ ra bố cháu được hưởng nếu còn sống. Phần của cháu Lê bằng phần của chị Thanh, anh Lâm, anh Hùng và Dân. Hàng thừa kế thứ hai gồm em ruột của ông An là ông Lành và

các cháu của ông An là cháu Tâm, cháu Linh (con anh Lâm và chị Mai); cháu Thảo (con anh Hùng và chị Vân). Những người thừa kế cùng hàng thì được hưởng phần di sản bằng nhau.

6. Nếu các em của chị Thanh và người chú của chị không để chị được hưởng một phần đất thổ cư như trong di chúc của bố chị, thì chị Thanh phải làm gì để bảo vệ lợi ích của mình.

Trả lời: Trước hết, chị cần yêu cầu họp gia đình để trình bày nguyện vọng của mình và đề nghị ông Lành đọc lại bản di chúc của cha chị để mọi người biết quyền lợi của chị đã được người cha định đoạt trong bản di chúc. Nếu những người thân vẫn không đồng ý thực hiện di chúc của cha chị thì chị làm đơn đề nghị trưởng thôn hòa giải. Nếu hoà giải không thành thì chị có quyền yêu cầu Ban tư pháp của xã giải quyết. Trong trường hợp những người thân trong gia đình chị Thanh vẫn không đồng ý cho chị được hưởng di chúc thì chị có thể khởi kiện ra Tòa án yêu cầu giải quyết tranh chấp thừa kế tài sản. Theo quy định tại khoản 2 điều 25, khoản 1 điều 33 bộ luật tố tụng dân sự thì Tòa án nhân dân quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh (Tòa án nhân dân cấp huyện) có thẩm quyền giải quyết theo thủ tục sơ thẩm việc tranh chấp thừa kế tài sản.

Theo quy định tại Điều 645 Bộ Luật Dân sự 2005 thì: “Thời hiệu khởi kiện để người thừa kế yêu cầu chia di sản, xác nhận quyền thừa kế của mình hoặc bác bỏ quyền thừa kế của người khác là mười năm, kể từ thời điểm mở thừa kế”. Theo Điều 633 Bộ luật dân sự năm 2005 thì thời điểm mở thừa kế là thời điểm người có tài sản chết. Do vậy, để bảo vệ quyền lợi của mình chị Thanh làm đơn khởi kiện gửi Tòa án nhân dân có thẩm quyền trong thời hạn 10 năm kể từ ngày bố chị chết.

7. Anh Tân chết trong thời gian anh Tân và chị Hà đang làm thủ tục ly hôn. Như vậy, chị Hà có quyền được hưởng di sản thừa kế của anh Tân không?

Trả lời: Theo quy định tại khoản 2 Điều 680 Bộ luật dân sự 2005 thì: “Trong trường hợp vợ, chồng xin ly hôn mà chưa được hoặc đã được Tòa án cho ly

hôn bằng bản án hoặc quyết định chưa có hiệu lực pháp luật, nếu một người chết thì người còn sống vẫn được thừa kế di sản”.

Do vậy, đối với trường hợp này, mặc dù anh Tân và chị Hà đang làm thủ tục ly hôn nhưng vẫn chưa có bản án cho ly hôn của Tòa án thì chị Hà vẫn được hưởng di sản thừa kế của anh Tân.

8. Anh Tân chết trước khi cháu Lê được sinh ra (khi chị Hà đang mang thai cháu Lê). Vậy cháu Lê có được hưởng di sản thừa kế của anh Tân không?

Trả lời: Theo quy định tại khoản 1 Điều 685 Bộ luật Dân sự năm 2005 thì “Khi phân chia di sản nếu có người thừa kế cùng hàng đã thành thai nhưng chưa sinh ra thì phải dành lại một phần di sản bằng phần mà người thừa kế khác được hưởng, để nếu người thừa kế đó còn sống khi sinh ra, được hưởng; nếu chết trước khi sinh ra thì những người thừa kế khác được hưởng”.

Theo quy định tại Điều 677 Bộ luật dân sự năm 2005 thì: “trong trường hợp con của người để lại di sản chết trước hoặc cùng một thời điểm với người để lại di sản thì cháu được hưởng phần di sản mà cha hoặc mẹ của cháu được hưởng nếu còn sống; nếu cháu cũng chết trước hoặc cùng một thời điểm với người để lại di sản thì cháu được hưởng phần di sản mà cha hoặc mẹ của cháu được hưởng nếu còn sống”.

Đối với trường hợp này, do anh Tân chết trước ông An (là người để lại di sản), do vậy đây thuộc trường hợp thừa kế thế vị. Khi anh Tân chết chị Hà đang mang thai cháu Lê và Lê đã được sinh ra, do vậy Lê có được hưởng di sản thừa kế mà anh Tân để lại. Phần di sản cháu Lê được hưởng bằng với suất của anh Lâm, anh Hùng, bé Dân và chị Thanh

9. Anh Tân và chị Hà có tổng tài sản chung là 300 triệu đồng. Anh Tân có tài sản riêng là 50 triệu đồng. Như vậy, chia thừa kế tài sản của anh Tân như thế nào?

Trả lời: Theo khoản 1 Điều 33 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014 thì tổng tài sản 300 triệu đồng

là tài sản chung trong thời kỳ hôn nhân của anh Tân và chị Hà. Số tài sản trên sẽ được định đoạt theo quy định tại khoản 1 Điều 28 “Vợ, chồng bình đẳng với nhau về quyền, nghĩa vụ trong việc tạo lập, chiếm hữu, sử dụng, định đoạt tài sản chung; không phân biệt giữa lao động trong gia đình và lao động có thu nhập”, theo đó, phần tài sản của anh Tân là 150 triệu đồng, (trong tổng số 300 triệu đồng là tài sản chung). Theo điều 43 Luật hôn nhân gia đình năm 2014 thì vợ chồng có quyền có tài sản riêng trong thời kỳ hôn nhân nên việc anh Tân có tài sản riêng 50 triệu đồng là hợp pháp. Như vậy, tổng di sản của anh Tân là 150 triệu đồng cộng với 50 triệu đồng bằng 200 triệu đồng. Di sản của anh Tân được chia theo 2 trường hợp như sau:

1. Nếu anh Tân để lại di chúc và di chúc của anh là hợp pháp thì theo quy định tại Khoản 1 Điều 648 Bộ Luật Dân sự 2005 về quyền của người lập di chúc, người lập di chúc có quyền chỉ định người hưởng di sản thừa kế và trút quyền hưởng di sản thừa kế. Do đó, toàn bộ di sản đó sẽ được chia theo di chúc của anh Tân.
2. Nếu anh Tân không để lại di chúc thì số di sản của anh Tân được chia theo pháp luật.

10. Anh Lâm là người giàu có nhất trong số 5 người con của ông An, nay anh không muốn nhận di sản thừa kế của ông An mà muốn để lại phần 100m² đất của anh cho em Dân để các anh em khác không phải chia bớt phần của mình cho em Dân. Ngoài ra anh cũng đề nghị giao mảnh đất trên đó có nhà thờ cho em Dân quản lý khi em đã trưởng thành. Vậy đề nghị của anh Lâm có được chấp nhận không ?

Trả lời: Theo quy định tại Điều 642 Bộ luật Dân sự 2005 thì : Người thừa kế có quyền từ chối nhận di sản, trừ trường hợp việc từ chối nhằm trốn tránh việc thực hiện nghĩa vụ tài sản của mình đối với người khác; Việc từ chối nhận di sản phải được lập thành văn bản; người từ chối phải báo cho những người thừa kế khác, người được giao nhiệm vụ phân chia di sản, cơ quan công chứng hoặc Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi có địa điểm

mở thừa kế về việc từ chối nhận di sản.

Do vậy, trong thời hạn 6 tháng kể từ thời điểm mở thừa kế nếu anh Lâm không muốn nhận di sản thừa kế thì anh phải lập biên bản về việc không nhận thừa kế vào thông báo cho những người thừa kế khác biết. Đồng thời anh có thể công bố ý định chuyển 100m² đất thừa kế của anh cho em Dân và làm giấy tờ để tặng lại theo quy định của pháp luật. Tuy nhiên, vì em Dân chưa đến 18 tuổi nên chưa thể đứng tên sở hữu. Anh Lâm và gia đình có thể bàn bạc để giao cho một người nào đó trong gia đình quản lý mảnh đất cho đến khi em Dân tròn 18 tuổi thì có thể chuyển quyền sở hữu sang tên em Dân. Vì em Dân hiện tại đang sống với chị Thanh, vậy nếu mọi người trong gia đình đồng ý thì có thể làm giấy tờ ủy quyền cho chị Thanh quản lý mảnh đất đó cho đến khi em Dân 18 tuổi.

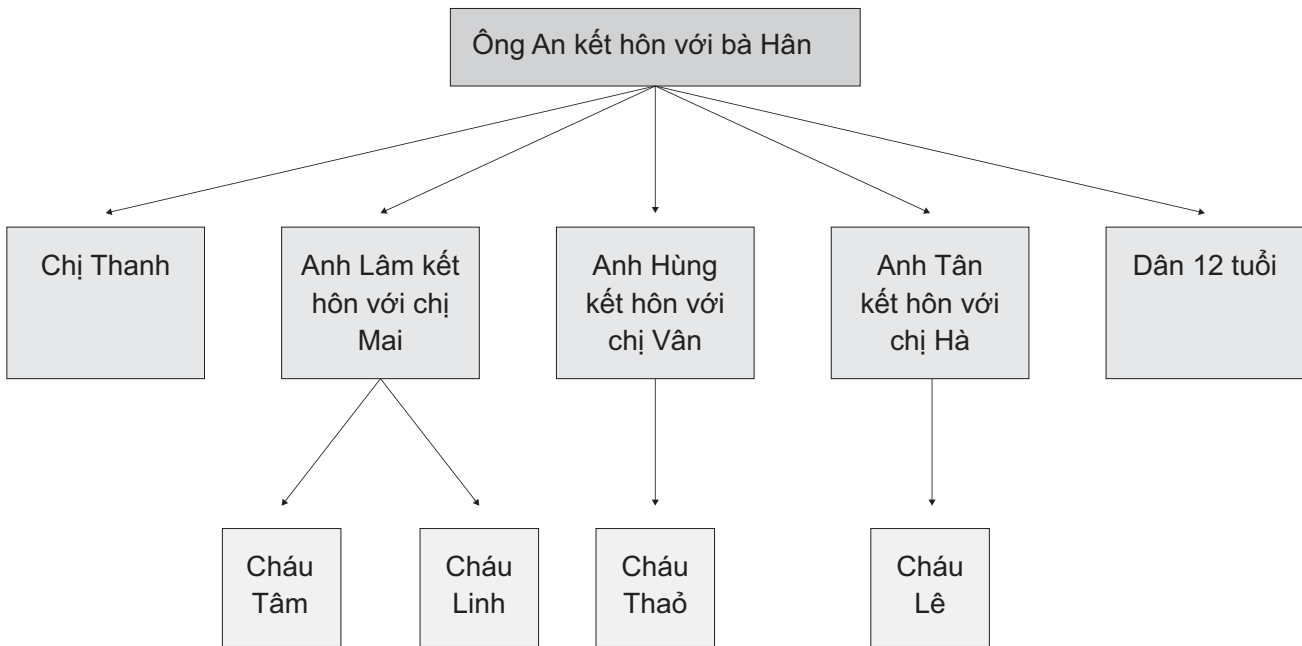
Theo quy định tại điều 670 Bộ luật Dân sự thì trong trường hợp ông An lập di chúc để lại 150m² đất thổ cư trên có căn nhà dùng vào việc thờ cúng thì phần di sản đó không được chia thừa kế mà giao cho ông Lành đã được chỉ định quản lý để thực hiện việc thờ cúng. Nếu ông Lành không thực hiện đúng di chúc hoặc không theo thỏa thuận

của những người thừa kế thì những người này có quyền giao phần di sản dùng vào việc thờ cúng cho người khác quản lý để thờ cúng.

11. Sau khi anh Tân mất được 3 năm, chị Hà tái giá với anh Minh. Hai vợ chồng quyết định xây nhà trên mảnh đất mà anh Tân được thừa kế của ông An. Cháu Lê cùng sống với mẹ và cha dượng ở đó. Một số người họ hàng của ông Tân bàn tán rằng vợ chồng chị Hà không được phép sống trên mảnh đất của anh Tân. Theo bạn, việc chị Hà làm có phù hợp với luật pháp không?

Trả lời: Chị Hà hoàn toàn có quyền sống trên mảnh đất mà anh Tân được thừa kế của ông An. Sau khi anh Tân mất, chị Hà và cháu Lê là hai người thừa kế hàng thứ nhất của anh Tân theo quy định tại điều 676 của Bộ Luật Dân sự. Chị Hà sẽ được hưởng một nửa mảnh đất đó. Hơn nữa chị Hà và anh Minh chồng chị là người nuôi dưỡng cháu Lê vì cháu còn nhỏ tuổi. Khi cháu Lê trưởng thành, cháu có thể yêu cầu chị Hà chia cho cháu một nửa mảnh đất đó, hoặc cháu có thể cho/tặng chị Hà phần của cháu.

Sơ đồ chia thừa kế



Trụ sở chính

Washington, D.C. Headquarters
1120 20th St NW
Suite 500 North
Washington, D.C. 20036
tel: 202.797.0007
fax: 202.797.0020
E: info@icrw.org

Văn phòng khu vực Châu Á

C – 59, South Ext, Part II
New Delhi, India - 110049
tel: 91.11.4664.3333
fax: 91.11.2463.5142
E: info.india@icrw.org

Văn phòng Dự án tại Mumbai - Ấn Độ

101-102, 1st Floor, C – Wing, Mangalmurti Complex
Chikuwadi, Mankhurd
Mumbai, India – 400043
tel: 91.22.2550.5718 or 5719
E: info.india@icrw.org

Văn phòng khu vực Châu Phi

ABC Place
Waiyaki Way, Westlands
P.O. Box 20792, 00100 GPO
Nairobi, Kenya
tel: 254.20.2632012
E: info@icrw.org

VIỆN NGHIÊN CỨU PHÁT TRIỂN XÃ HỘI (ISDS)

Phòng 1804, tầng PH, tòa nhà The Garden
Đường Mỹ Trì, Quận Từ Liêm, Thành phố Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại: 84.4.37820058
Fax: 84.4.37820059
Email: isds.vn@isds.org.vn
Website: www.isds.org.vn